

Số: 61/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 366; Điều 371 và Điều 372, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 69/2025/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Lê Đình Đ**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Tường Thôn, xã An Nông, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cước công dân số: 038091002183, cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

+ Chị **Lò Thị P**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Tường Thôn, xã An Nông, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cước công dân số: 038192001573, cấp ngày 19/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P xây dựng gia đình trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai,

không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng tình ủng hộ, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 23/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân, huyện Như Thanh (nay là xã Thanh Kỳ), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, nhưng đến đầu năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, cả hai đều đã cố gắng, đã được gia đình khuyên can, hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay, xét thấy cuộc sống vợ chồng thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P có với nhau 02 con chung, tên các cháu là Lê Bảo H, sinh ngày 12/12/2017 và cháu Lê Ánh H, sinh ngày 03/4/2019, hiện các cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực và cháu đang sống với bố, mẹ. Quá trình giải quyết, cháu Lê Bảo Hân có nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu Lê Ánh H chưa đủ bảy tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng. Nay, anh Đ và chị P tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận, đó là: Giao các cháu Lê Bảo H, sinh ngày 12/12/2017 và cháu Lê Ánh H, sinh ngày 03/4/2019 cho anh Lê Đình Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P thỏa thuận và thống nhất, mỗi tháng chị Lò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (1.000.000đ/cháu/tháng) cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi; từ tháng 11/2025.

[3] Về lệ phí việc dân sự: Anh Lê Đình Đ chị Lò Thị P thỏa thuận, chị P phải chịu toàn bộ lệ phí theo quy định.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu gì, nên không xét.

Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận việc nuôi con chung của anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình Đ, sinh năm 1991 và chị Lò Thị P, sinh năm 1992.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Lê Bảo H, sinh ngày 12/12/2017 và cháu Lê Ánh H, sinh ngày 03/4/2019 cho anh Lê Đình Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P thỏa thuận và thống nhất, chị Lò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (1.000.000đ/cháu/tháng) cùng anh Lê Đình Đ cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 11 năm 2025.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Lê Đình Đ và chị Lò Thị P đều có quyền làm đơn đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ của pháp luật.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2014, quyển số 01/2013 ngày 23/01/2014 của UBND nhân dân xã Thanh Tân, huyện Như Thanh (nay là xã Thanh Kỳ), tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị P tự nguyện nộp toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ chị Lò Thị P đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai thu số 0001564 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa được chuyển thành lệ phí, chấp nhận chị Lò Thị P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV– TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện KSND Khu vực 3 (02 bản);
- Phòng 9 - Viện KSND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng